

Bản án số: 146/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16 – 7 – 2021

V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 344/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp Tân Long B, xã Tân D, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp Tân Th, xã Tân D, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị T trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H chung sống năm 2010, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do thường cãi nhau, đã ly thân khoảng 2 tháng nay. Chị T xác định không thể chung sống cùng anh H nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Quá trình chung sống chị với anh H có 01 người con chung tên Nguyễn Gia H, sinh năm 2014, đang sống cùng anh H. Khi ly hôn chị T yêu cầu giao Gia H cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Chị T xác định chị với anh H không có tài sản chung và không có nợ chung.

** Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Về thời gian chung sống, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị T trình bày là đúng. Nay chị T yêu cầu được ly hôn, anh đồng ý. Anh đồng ý tiếp tục nuôi Nguyễn Gia H, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Anh và chị T không có tài sản chung, không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thấy rằng: Chị T và anh H chung sống năm 2010, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh H, được anh H đồng ý. Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, mặt dù anh, chị thống nhất thuận tình ly hôn nhưng Hội đồng xét xử không công nhận việc thuận tình ly hôn của anh, chị mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh, chị là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị T và anh H thỏa thuận giao cháu H cho anh H nuôi dưỡng nên áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao Nguyễn Gia H, sinh ngày 22/12/2014 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị T và anh H không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị T và anh Hường xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 22/12/2014 cho anh H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu là 300.000 đồng. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0012196 ngày 18/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Ngọc Mai